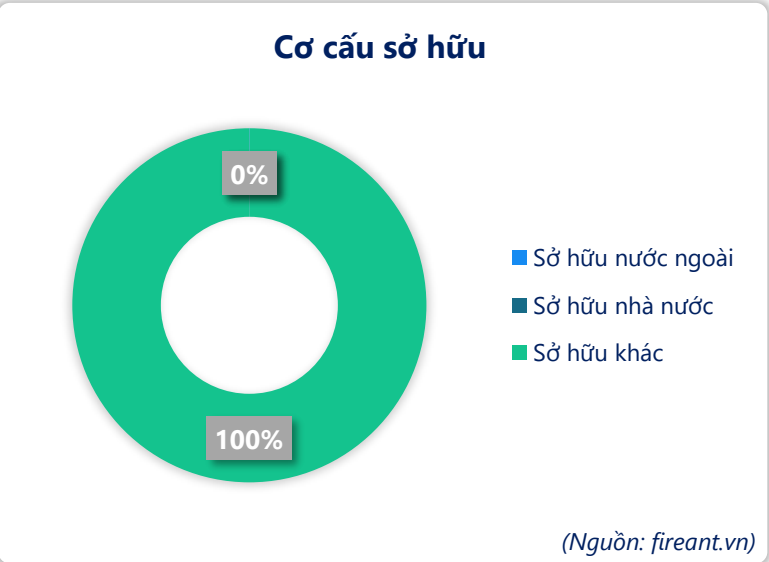
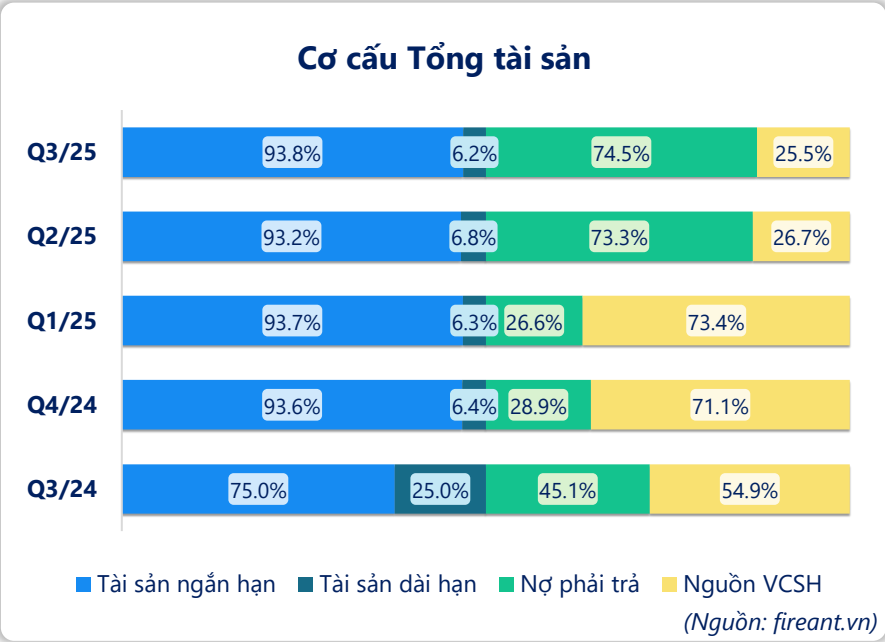
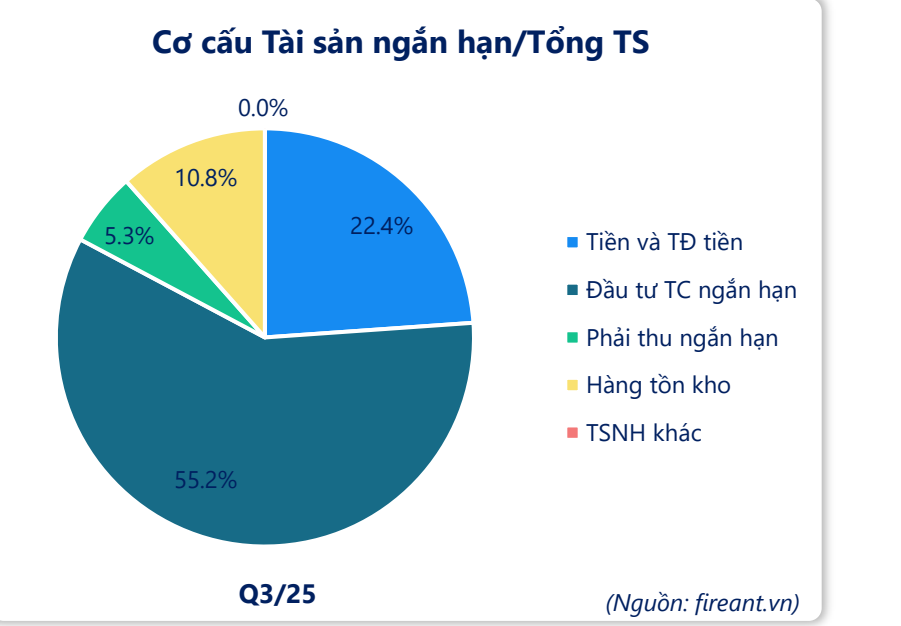
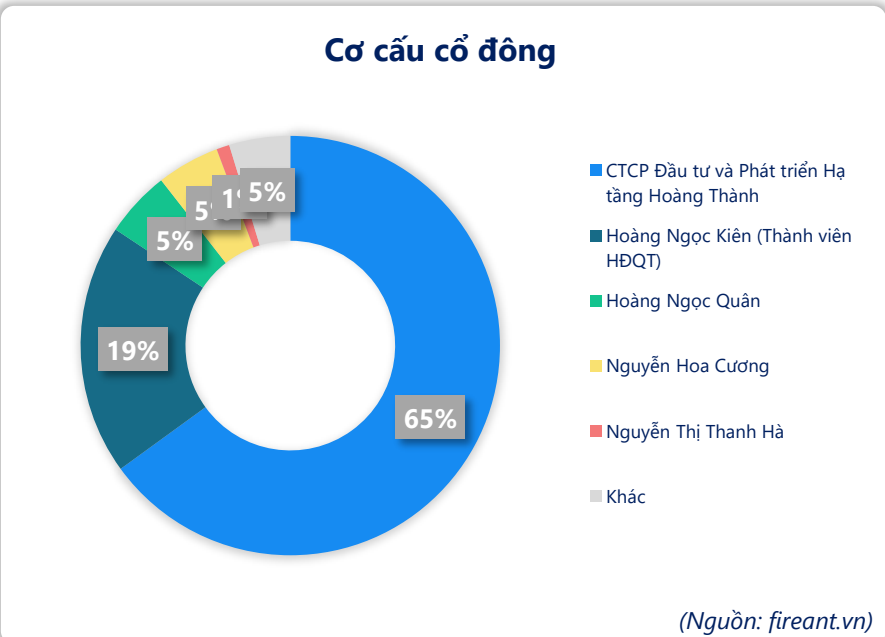
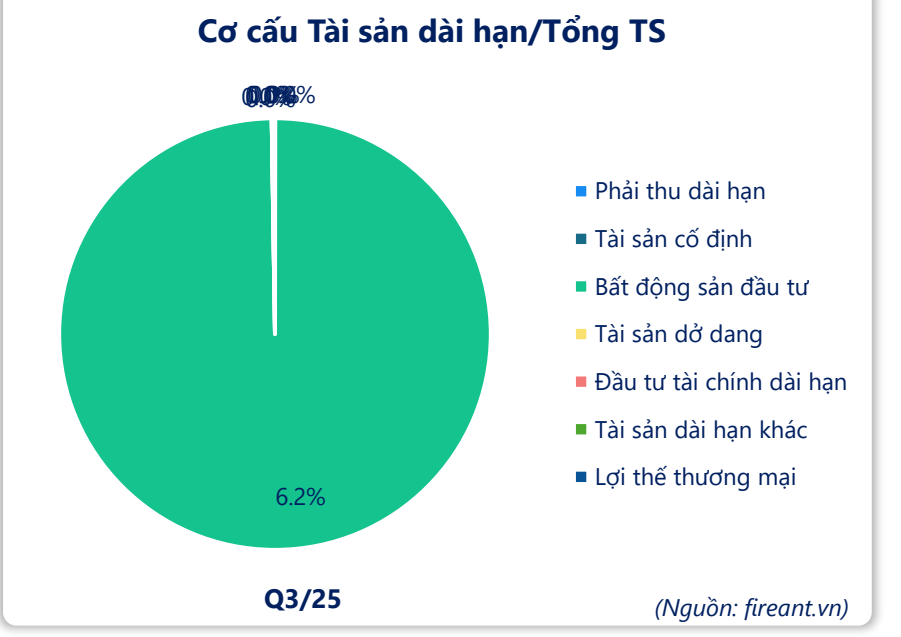
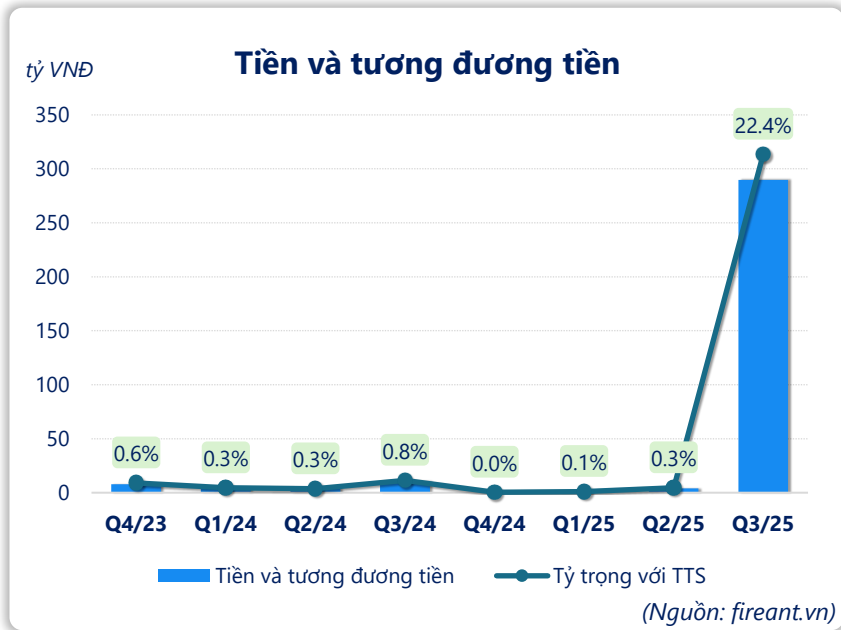
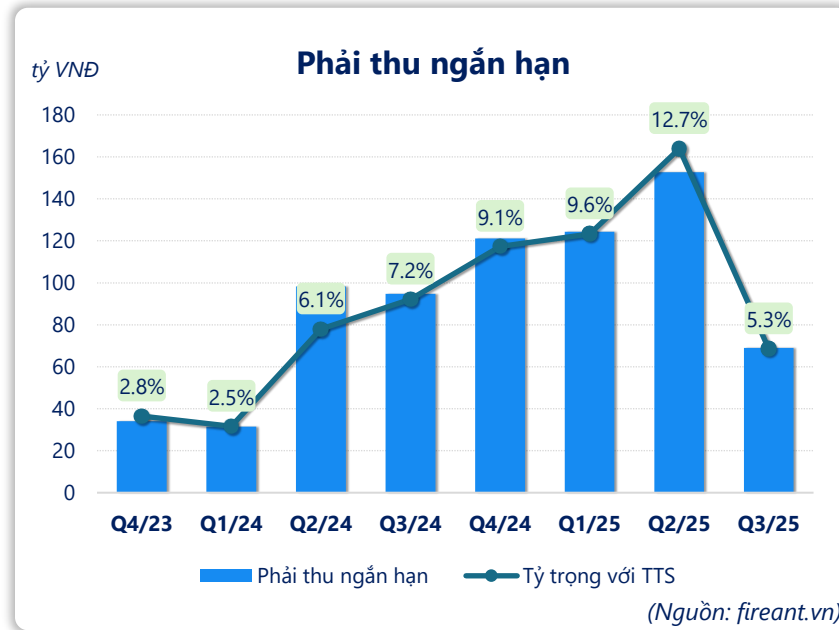
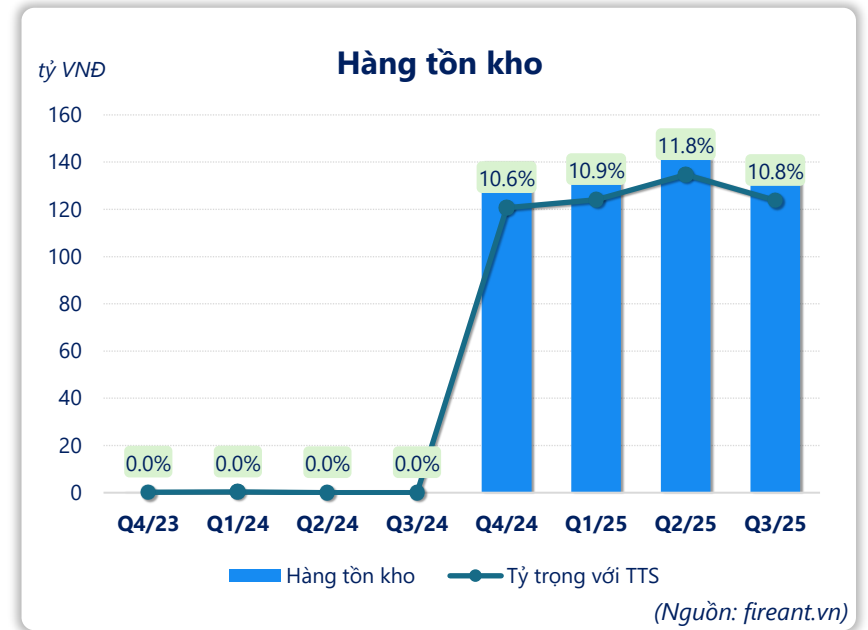
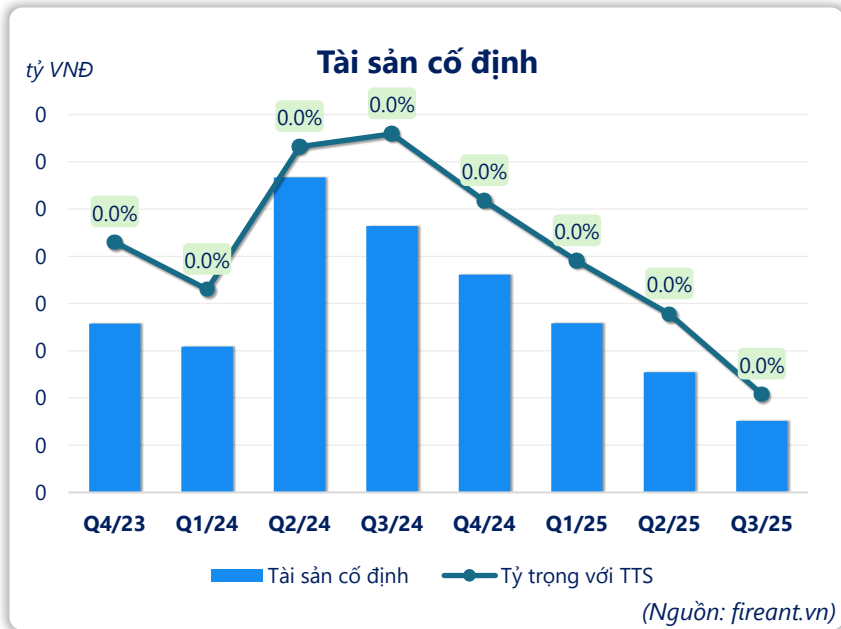
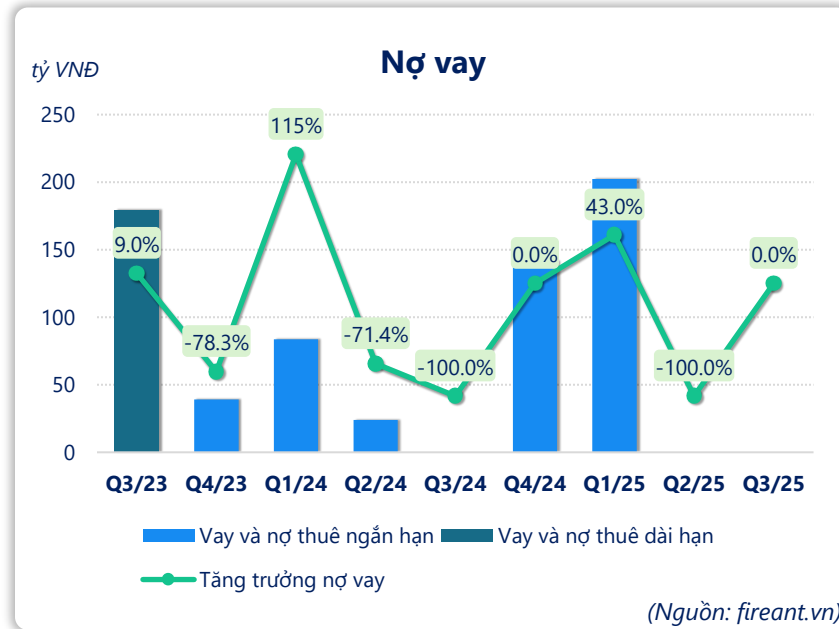
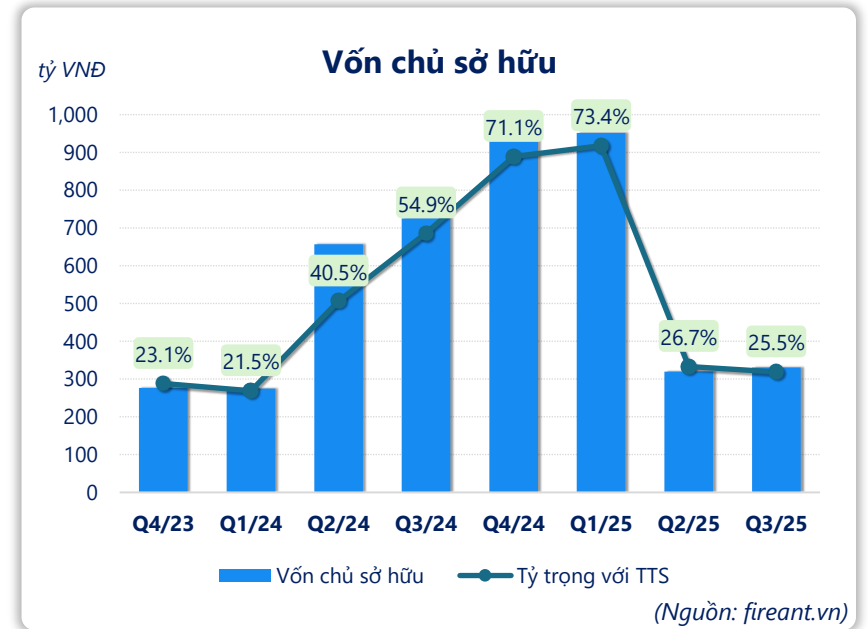
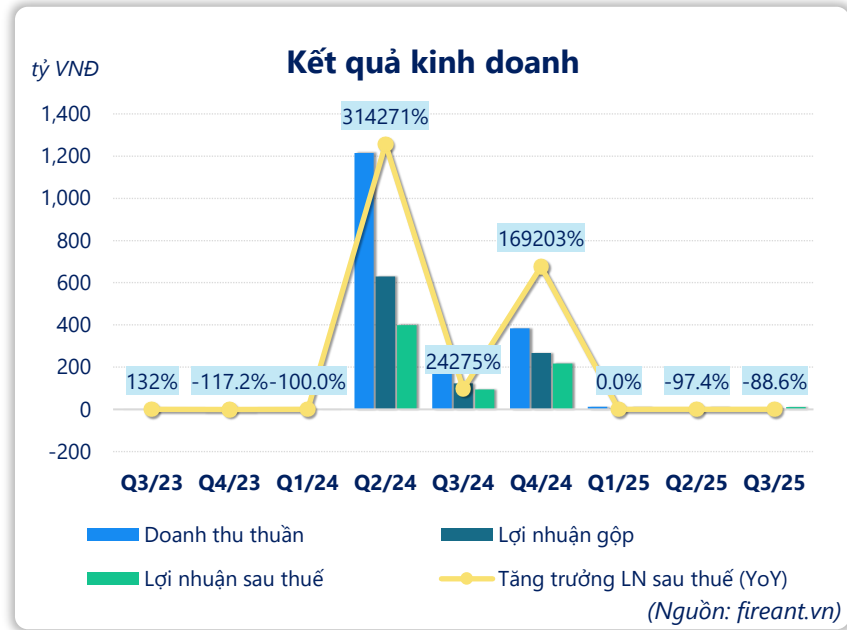
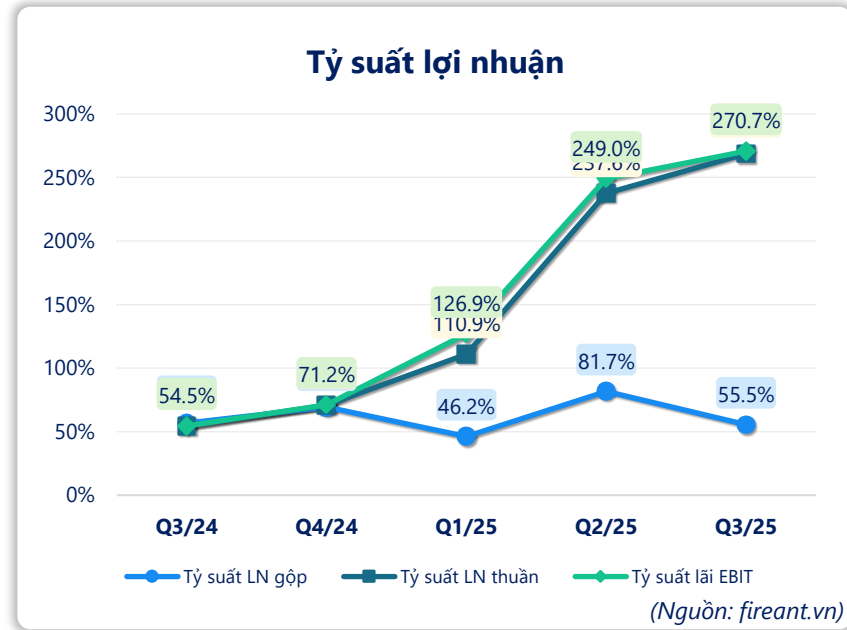
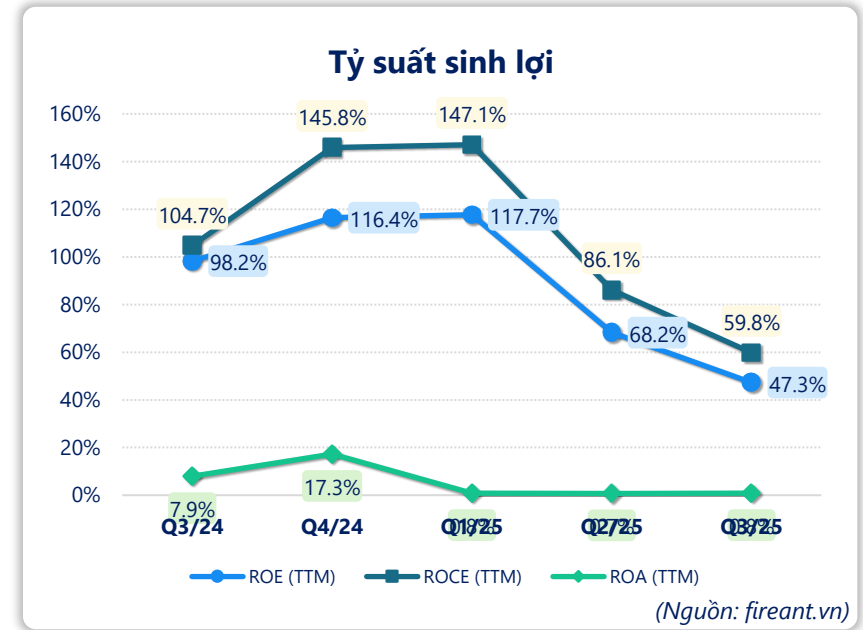
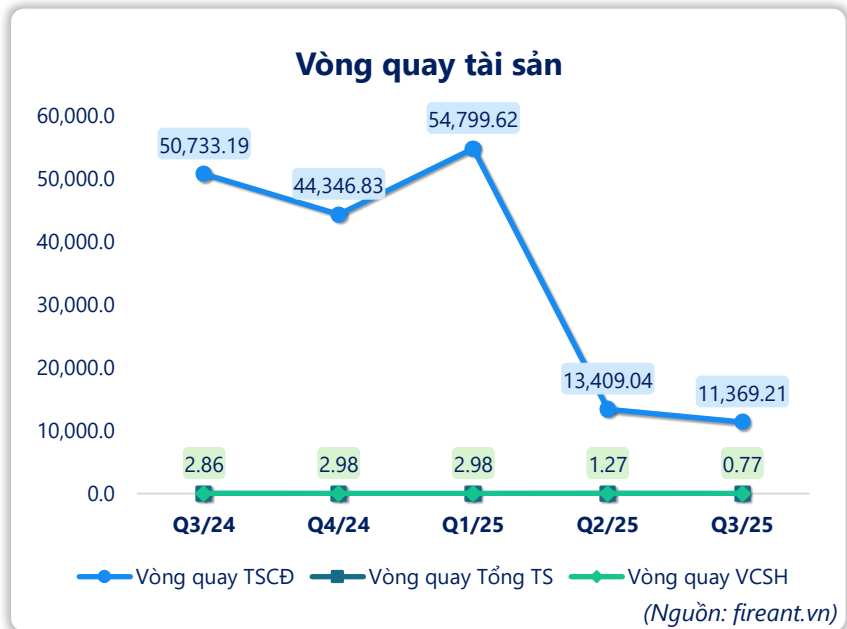
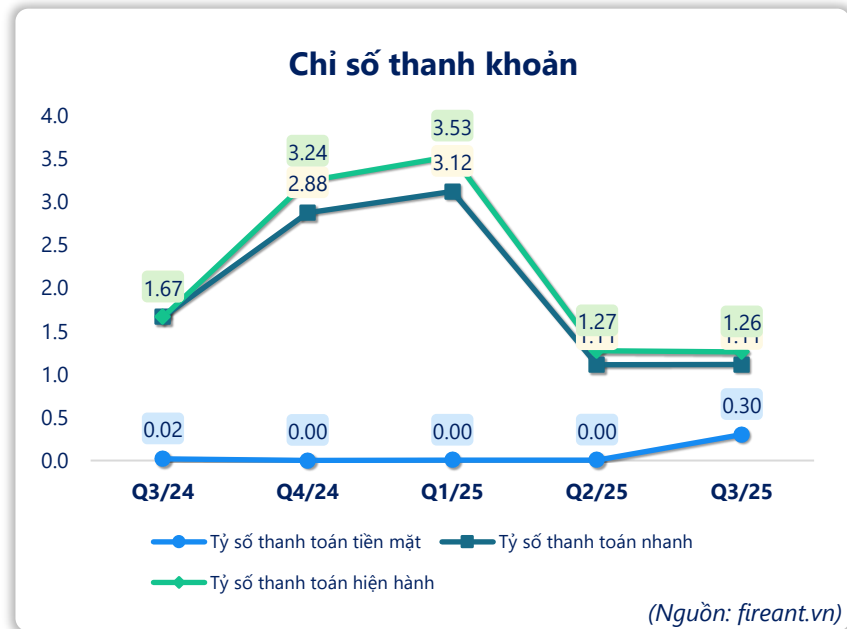
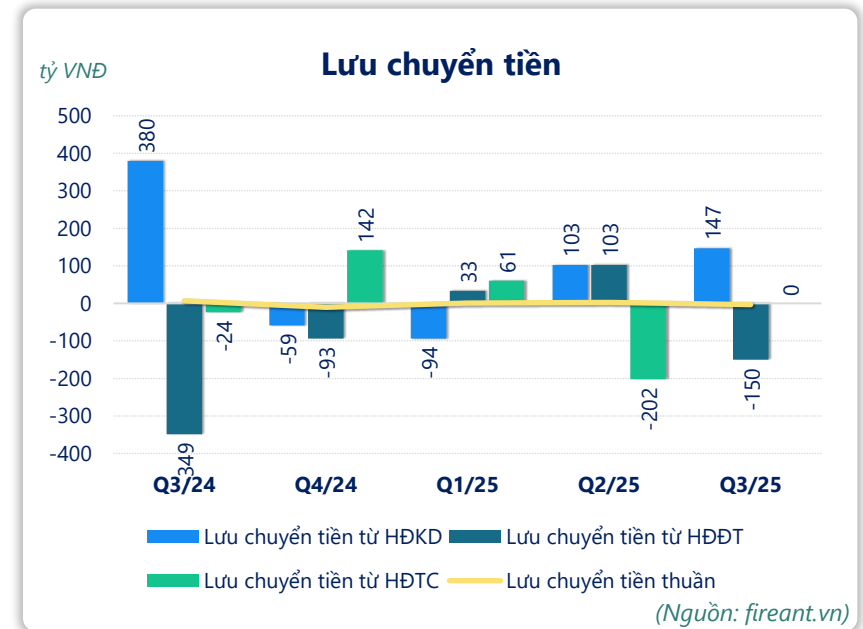


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		70,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,499
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,023
SL cổ phiếu LH		25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		22,555
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,750
P/E		7.0
EPS		9,980

	YTD	1T	3T	6T
BTH	185.6%	77.4%	108.8%	142.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,294	1,324	-2.2%
Tài sản ngắn hạn	1,214	1,241	-2.2%
Tiền và tương đương tiền	290	0.38	76054%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	715	980	-27.0%
Phải thu ngắn hạn	69.0	121	-43.0%
Hàng tồn kho	140	140	-0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.05	-81.0%
Tài sản dài hạn	80.7	82.3	-2.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.02	0.05	-67.1%
Bất động sản đầu tư	80.5	81.9	-1.7%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.19	0.37	-47.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	964	382	152%
Nợ ngắn hạn	963	382	152%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	142	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.45	27.7	-76.7%
Nợ dài hạn	0.92	0.79	16.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	330	941	-64.9%
Vốn chủ sở hữu	330	941	-64.9%
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	216	384	12.0	5.49	4.97
Giá vốn hàng bán	93.7	118	6.47	1.01	2.21
Lợi nhuận gộp	123	266	5.56	4.49	2.76
Doanh thu HĐTC	7.84	11.5	11.7	11.2	12.3
Chi phí TC	0.24	1.21	2.34	1.16	0.35
Chi phí lãi vay	0.24	1.21	1.93	0.79	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.8	3.41	0.48	0.06	0.15
Chi phí QLDN	1.06	1.32	1.11	1.37	1.24
LN thuần từ HĐKD	117	272	13.3	13.1	13.3
Lợi nhuận khác	0.36	0.28	0.00	-0.16	0.10
LN trước thuế	118	272	13.3	12.9	13.5
Lợi nhuận sau thuế	94.1	218	10.7	10.3	10.8
LNST của CĐ cty mẹ	94.1	218	10.7	10.3	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	380	-58.6	-93.6	103	147
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-349	-93.3	33.4	103	-150
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.0	142	60.9	-202	0
Tiền đầu kỳ	4.12	10.8	0.38	1.04	3.88
Lưu chuyển tiền thuần	6.71	-10.5	0.65	2.84	-3.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.8	0.38	1.04	3.88	0.72

(Nguồn: fireant.vn)